

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HS - ST

Ngày 14/4/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Đỗ Trung Xuân;

2/ Bà Phan Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Mai Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 35/2023/TLHS - ST ngày 18 tháng 01 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/HSST-QĐ, ngày 27/02/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2023/HSST-QĐ, ngày 28/3/2023 đối với bị cáo:

Lưu Văn Ch; tên gọi khác: Không; sinh ngày 01 tháng 7 năm 1976; nơi ĐKKHKT: Thôn 1, xã Th, huyện M, thành phố Hà Nội; chỗ ở hiện nay: Tổ 1A, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Lưu Văn Nh (đã chết) và bà Nguyễn Thị B (đã chết); vợ: Nguyễn Thị Diễm H; con: có 01 con, sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/4/2000, bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tháng 02/2008, bị Công an xã Th, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 200.000 đồng) về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác (Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo đã được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính). Ngày 23/9/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”, Lưu Văn Ch kháng cáo xin giảm

nhẹ hình phạt nên ngày 17/11/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. (Các bản án trên đều đã được xóa án tích).

Bị cáo tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Chị **Phạm Thị Lan A**, sinh năm: 1991 và bà **Đỗ Thị Th**, sinh năm 1969; cùng trú tại: Tổ 9, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Điều vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người làm chứng:* Bà **Triệu Thị Ph**; sinh năm 1982; trú tại: Tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mối quan hệ quen biết với bà Đỗ Thị Th (sinh năm 1969, trú tại tổ 9, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn) và đã từng mượn xe mô tô của bà Th, nên tối ngày 15/02/2022, Lưu Văn Ch một mình đến nhà bà Th hỏi mượn xe mô tô để đi có việc và hẹn ngày hôm sau sẽ trả xe, thì bà Th đồng ý và cho Ch mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1 – 330.22 (là xe do bà Th bỏ tiền ra mua nhưng cho con gái là chị Phạm Thị Lan A, sinh năm 1991, trú cùng địa chỉ đứng tên đăng ký, hàng ngày bà Th và chị Lan A cùng quản lý, sử dụng). Đến tối ngày 16/02/2022, Ch mang chiếc xe trên đến nhà bà Th để trả cho bà Th, tuy nhiên do không có xe đi về nhà (tại tổ 1A, phường Đ, thành phố B) nên Ch tiếp tục hỏi mượn bà Th xe mô tô trên để đi về nhà và hẹn ngày hôm sau sẽ mang trả, thì bà Th đồng ý. Thời điểm Ch hỏi mượn xe thì chị Phạm Thị Lan A cũng đang ở nhà, có biết và đồng ý cho Ch mượn xe. Sau khi mượn được xe, Ch điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 330.22 đi về nhà, ngày hôm sau Ch chưa trả xe mô tô cho bà Th và chị Lan A mà tiếp tục sử dụng để đi lại. Đến ngày 20/02/2022, do cần tiền chi tiêu cá nhân nên Ch đã nảy sinh ý định mang xe mô tô trên đi cầm cố lấy tiền. Ngay sau khi nảy sinh ý định, Ch mang chiếc xe mô tô đến hiệu cầm đồ “Ph Bản Áng” thuộc tổ 11B, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn do bà Triệu Thị Ph (sinh năm 1982, trú tại địa chỉ trên) là chủ cơ sở rồi đặt vấn đề cầm cố chiếc xe mô tô với bà Ph lấy 10.000.000đ (Mười triệu đồng) và hẹn cầm cố trong thời hạn 10 (Mười) ngày. Khi cầm cố, Ch nói với bà Ph chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 330.22 là của gia đình Ch, không phải xe chính chủ nhưng có đủ giấy tờ, đồng thời Ch lấy giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Phạm Thị Lan A và giấy phép lái xe mang tên Đỗ Thị Th được để trong cốp xe giao cho bà Ph. Bà Ph đồng ý và viết giấy cầm cố chiếc xe mô tô rồi đưa cho Ch số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi nhận được tiền, Ch đã sử dụng vào mục đích chi tiêu cá nhân hết. Đến ngày 21/02/2022, Ch tiếp tục đến chỗ bà Ph đặt vấn đề lấy thêm số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Bà Ph đồng ý và viết giấy cầm cố xe mô tô với số

tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và đưa cho Ch số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Sau khi nhận tiền, Ch đã chi tiêu cá nhân hết và bỏ đi khỏi địa phương, không chuộc lại xe mô tô để trả lại cho bà Th và chị Lan A. Khoảng 04 (Bốn) ngày sau, bà Th gọi điện thoại bảo Ch trả xe, thì Ch nói dối là xe Ch vẫn đang đi, Ch hẹn một đến hai ngày tới Ch sẽ mang trả. Thời gian sau đó, bà Th nhiều lần gọi điện, nhắn tin cho Ch nhưng không liên lạc được, đồng thời qua tìm hiểu bà Th biết việc Ch đã cầm cố chiếc xe mô tô với bà Ph, nên ngày 25/4/2022 bà Th đến Công an thành phố B trình báo sự việc để điều tra làm rõ.

Tại kết luận định giá tài sản số 84/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 07/5/2022, kết luận: Xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 97B1 – 330.22, đăng ký lần đầu năm 2014 có giá trị: **30.500.000đ** (Ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, truy tố, Lưu Văn Ch đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo cơ bản phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 11/CT - VKSTP ngày 17 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Lưu Văn Ch về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

.....

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 1 năm đến 5 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Lưu Văn Ch phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Ch từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Văn Ch cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Phạm Thị Lan A và bà Đỗ Thị Th cùng thống nhất nhận số tiền 30.500.000 đồng của Lưu Văn Ch và để cho Lưu Văn Ch lấy chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 330.22. Hiện nay Lưu Văn Ch đã thanh toán đủ toàn bộ số tiền 30.500.000 đồng cho chị Phạm Thị Lan A và bà Đỗ Thị Th.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Ph: Do hiện nay không tìm được người đàn ông đã mua chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 330.22 với bà Ph nên bà Ph không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề dân sự trong vụ án này.

Tại phiên tòa người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong đơn nói rõ không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn Ch 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1 – 330.22 để Lưu Văn Ch thực hiện việc đăng ký theo quy định.

Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo Lưu Văn Ch thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp, bị cáo không có ý kiến gì, chỉ xin HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn nêu rõ không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự. Về trách nhiệm hình sự: Người bị hại đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng

và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Lưu Văn Ch thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Ngày 16/02/2022, tại tổ 9, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn, Lưu Văn Ch có hành vi mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, mang biển kiểm soát 97B1 – 330.22, trị giá 30.500.000 đồng của bà Đỗ Thị Th và chị Phạm Thị Lan A với mục đích sử dụng làm phương tiện đi lại và hẹn ngày hôm sau sẽ trả lại xe. Đến ngày 20 và ngày 21/02/2022, do cần tiền tiêu xài cá nhân nên Ch đã tự ý lấy chiếc xe mô tô trên cầm cố với bà Triệu Thị Ph, là chủ hiệu cầm đồ “Ph Bản Áng” tại tổ 11B, phường Đ, thành phố B lấy số tiền 20.000.000 đồng và hẹn 10 (Mười) ngày sau sẽ chuộc lại xe. Tuy nhiên, sau đó Ch đã tiêu xài cá nhân hết số tiền trên và bỏ đi khỏi địa phương, không chuộc lại xe mô tô để trả cho bà Th và chị Lan A.

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Tội phạm mà bị cáo thực hiện thuộc trường hợp tội phạm ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương nên cần xử lý theo pháp luật hình sự.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Ngày 20/4/2000, Lưu Văn Ch bị Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”. Tháng 02/2008, bị Công an xã Th, huyện M, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 200.000 đồng) về hành vi sử dụng trái phép tài sản của người khác (Tính đến thời điểm phạm tội lần này, bị cáo đã được coi là chưa bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính). Ngày 23/9/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã B (nay là thành phố B), tỉnh Bắc Kạn xử phạt 24 tháng tù về tội “Đánh bạc”, Lưu Văn Ch kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nên ngày 17/11/2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử phúc thẩm xử phạt 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng. (Các bản án trên đều đã được xóa án tích).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại*”; và “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do vậy bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xét thấy: Bị cáo đã bị kết án nhưng đã được xóa án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, tội phạm lần này bị cáo thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trong đó có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, không phải chịu tình tiết tăng nặng nào; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo chấp hành chính sách pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, nên xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo song vẫn đảm bảo phù hợp với các quy định tại Nghị quyết của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về án treo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hiện nay bị cáo làm lao động tự do, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 175 Bộ luật hình sự.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Theo quy định tại Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự thì tài sản do bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô phải trả lại cho các bị hại. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án chị Phạm Thị Lan A và bà Đỗ Thị Th cùng thống nhất yêu cầu Lưu Văn Ch bồi thường số tiền 30.500.000 đồng và để cho Lưu Văn Ch được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1 – 330.22. Xét thấy thỏa thuận giữa bị cáo và các bị hại là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội do vậy cần chấp nhận sự thỏa thuận này giữa bị cáo và các bị hại.

Xác nhận, đến thời điểm xét xử bị cáo đã thanh toán đủ số tiền 30.500.000 đồng cho chị Phạm Thị Lan A và bà Đỗ Thị Th, do vậy cần trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1 – 330.22 cho bị cáo Lưu Văn Ch để bị cáo thực hiện việc đăng ký theo quy định.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Thị Ph vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, trong đơn nêu rõ không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đủ căn cứ yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự thì sẽ được thụ lý, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, biển kiểm soát 97B1 – 330.22. Do bị cáo Ch và các bị hại đã thỏa thuận bồi thường xong và các bị hại nhất trí để cho bị cáo Ch được quyền sở hữu, quản lý, sử dụng chiếc xe này nên cần trả lại chiếc xe mô tô cho bị cáo Ch là phù hợp.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với bà Triệu Thị Ph, là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô biển kiểm soát 97B1-330.22 với bị cáo Lưu Văn Ch. Tuy nhiên, quá trình trao đổi cầm cố xe mô tô với Ch thì bà Ph không biết chiếc xe là do Ch mượn của người khác. Do đó, không xem xét xử lý đối với bà Ph về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng quy định.

Đối với người đàn ông tên C đã mua xe mô tô biển kiểm soát 97B1-330.22 với bà Triệu Thị Ph, do bà Ph không cung cấp được lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có cơ sở xác minh, lấy lời khai và điều tra làm rõ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lưu Văn Ch** phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175 ; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lưu Văn Ch 13 (*Mười ba*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 26 (*Hai mươi sáu*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lưu Văn Ch cho UBND phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Trả lại cho bị cáo Lưu Văn Ch 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu HONDA SH MODE, màu đỏ đen, số khung RLHJF5105DY040998, số máy JF51E0041021, mang biển kiểm soát 97B1 – 330.22 (Có chìa khóa kèm theo), để Lưu Văn Ch thực hiện việc đăng ký theo quy định.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Lưu Văn Ch phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

